

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-ĐHKT ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Ngành	: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
Mã ngành	: 52 34 04 05
Tên ngành (Tiếng Anh)	: MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS
Tên chuyên ngành	: TIN HỌC QUẢN LÝ
Tên chuyên ngành (Tiếng Anh)	: INFORMATION TECHNOLOGY FOR MANAGEMENT
Mã chuyên ngành	: 52 34 04 05 01
Loại hình đào tạo	: Chính quy
Hình thức đào tạo	: Chương trình đào tạo đại trà

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tin học quản lý trang bị cho người học một cách có hệ thống các kiến thức nền tảng về kinh doanh - quản trị, kế toán - tài chính và hệ thống thông tin (HTTT).

Chương trình đào tạo đặc biệt chú trọng đến kiến thức công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông, với kỹ năng thuần thục các công cụ, kỹ thuật, phương pháp tiếp cận và triết lý cần thiết cho việc tổ chức, thiết kế, tích hợp và ứng dụng thành công CNTT và truyền thông hiện đại vào tiến trình quản lý và kinh doanh thông minh của các tổ chức và doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo còn trang bị cho người học những kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tư duy - sáng tạo - phân tích - phản biện; ý thức tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với bản thân và xã hội; khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên chuyên ngành Tin học quản lý khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

1.2.1. Kiến thức

Kiến thức cơ bản

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản
1	CDR1	Nắm vững các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị
2	CDR2	Nắm vững các kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, kinh doanh - quản lý, kế toán - tài chính
3	CDR3	Am hiểu những kiến thức cơ bản về toán ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh.

Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã CDR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên ngành
1	CDR4	Am hiểu quy trình lập kế hoạch và triển khai các dự án công nghệ thông tin
2	CDR5	Nắm được các nguyên lý căn bản về kỹ thuật lập trình và phát triển các ứng dụng trên các nền tảng khác nhau; có cơ sở toán học trong công nghệ thông tin
3	CDR6	Nắm bắt được các nguyên lý, cấu trúc và kỹ thuật truyền thông của hệ thống mạng máy tính; am hiểu các nguyên tắc tổ chức, thiết kế và quản trị hệ thống mạng máy tính trong tổ chức vừa và nhỏ
4	CDR7	Nắm được những kiến thức về việc thu thập, phân tích, xử lý và quản lý HTTT hỗ trợ ra quyết định trong tổ chức quản lý và kinh doanh
5	CDR8	Am hiểu các nguyên lý trong tổ chức và thiết kế cơ sở dữ liệu, các công cụ quản trị, phân tích và khai thác dữ liệu hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh thông minh
6	CDR9	Am hiểu và phân biệt được các giải pháp và chính sách an toàn thông tin phù hợp cho các HTTT
7	CDR10	Am hiểu và vận dụng phù hợp các thuật toán tối ưu cho từng bài toán khác nhau trong thực tiễn
8	CDR11	Nắm bắt các nguyên lý, công cụ dùng để phân tích, đặc tả, phát triển và định giá các HTTT

9	CĐR12	Am hiểu các công cụ và kỹ thuật hiện đại trong thiết kế và xây dựng các website phục vụ các hoạt động quản lý và kinh doanh
10	CĐR13	Thấu hiểu các kiến thức cơ bản về kho dữ liệu và khai phá dữ liệu, qui trình xây dựng, cách thức khai thác và các kỹ thuật khai phá dữ liệu thông dụng nhằm hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh.

1.2.2. Kỹ năng

Kỹ năng cơ bản

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản
1	CĐR14	Khả năng soạn thảo các loại văn bản, lập kế hoạch công việc đúng chuẩn mực; khả năng thuyết trình, thuyết phục, lắng nghe, hỗ trợ, chia sẻ thông tin với người khác
2	CĐR15	Khả năng làm việc nhóm và năng lực lãnh đạo như: phác thảo, định hướng, điều khiển; khả năng xây dựng và giải quyết mối quan hệ như: gắn kết, tạo động cơ, đồng cảm, chia sẻ và xử lý xung đột
3	CĐR16	Kỹ năng tổng hợp và đánh giá thông tin từ nhiều nguồn, có tư duy phê phán, giải quyết vấn đề; Khả năng nghiên cứu độc lập, phát triển chuyên môn liên tục và học tập suốt đời
4	CĐR17	Có thể giao tiếp kinh doanh bằng tiếng Anh đạt từ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) trở lên

Kỹ năng nghề nghiệp

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp
1	CĐR18	Kỹ năng lập kế hoạch, đánh giá rủi ro, tính khả thi, khả năng quản lý và lập báo cáo về các dự án CNTT
2	CĐR19	Khả năng thiết kế, tổ chức, quản trị cơ sở dữ liệu và kho dữ liệu; khả năng tổng hợp, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định trong môi trường quản lý và kinh doanh thông minh
3	CĐR20	Kỹ năng đặc tả yêu cầu người dùng, phân tích và thiết kế một HTTT; lựa chọn, sử dụng và phản biện nhằm đánh giá các phương pháp kỹ thuật, phù hợp với từng giai đoạn của vòng đời phát triển hệ thống

4	CĐR21	Khả năng ứng dụng CNTT và truyền thông hiện đại trong phát triển, tích hợp, triển khai, kiểm thử các HTTT để đáp ứng với các vấn đề kinh doanh và quản lý
5	CĐR22	Kỹ năng tư duy, phân tích và phản biện, nhanh chóng nắm bắt và áp dụng các HTTT khác nhau, phù hợp với bối cảnh tổ chức và doanh nghiệp, và đề xuất các tiêu chuẩn nhằm đánh giá sự thành công của hệ thống như vậy.

1.2.3. Thái độ và hành vi

TT	Mã CĐR chuyên ngành	Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi
1	CĐR23	Năng lực thể hiện hành vi và ra quyết định trên cơ sở cân nhắc các yếu tố đạo đức, phù hợp với các yêu cầu của pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và lợi ích quốc gia Tham gia các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội
2	CĐR24	Có tinh thần trách nhiệm với cá nhân và xã hội; có đạo đức nghề nghiệp và trong kinh doanh
3	CĐR25	Có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vượt khó vươn lên trong công việc.

1.3. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tin học quản lý:

Có khả năng đảm nhận các công việc sau:

- Phân tích, thiết kế phần mềm và tích hợp HTTT phục vụ hoạt động kinh doanh và quản lý;
- Kinh doanh, tư vấn và triển khai các sản phẩm và giải pháp CNTT trong kinh doanh và quản lý;
- Quản trị, phân tích và khai thác kho dữ liệu nhằm hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh;
- Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm;
- Quản trị mạng máy tính, công thông tin điện tử, website thương mại điện tử và các hệ thống kinh doanh và quản lý thông minh;
- Tư vấn, quản trị các dự án CNTT, và hoạch định chiến lược CNTT (CIO);
- Ứng dụng CNTT trong truyền thông marketing trực tuyến và hữu tuyến;
- Đảm bảo an toàn và bảo mật HTTT trong doanh nghiệp (CSO);

- Giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Trong các tổ chức kinh tế - xã hội và kinh doanh như:

- Các cơ quan, doanh nghiệp chuyên về phát triển, tư vấn, kiểm thử và triển khai ứng dụng phần mềm và giải pháp quản trị doanh nghiệp trên nền tảng CNTT;

- Các doanh nghiệp, tổ chức nhà nước và phi chính phủ có ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất và điều hành quản lý;

- Các cơ sở giáo dục và đào tạo, các viện và trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực quản trị và quản lý.

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Tin học quản lý có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo sau đại học các chuyên ngành: Khoa học máy tính, Hệ thống thông tin, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, Kinh tế phát triển, ... trong và ngoài nước.

2. Thời gian đào tạo: Theo thiết kế chương trình là 4 năm, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa đến 6 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 120 tín chỉ, không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT, THCN

5. Quy trình đào tạo: Hình thức tín chỉ.

6. Thang điểm: Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Học phần chung toàn Trường

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
01	SMT1001	Các nguyên lý cơ bản CN Mác – Lê Nin 1	2
02	SMT1002	Các nguyên lý cơ bản CN Mác – Lê Nin 2	3
03	SMT1003	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3
04	SMT1004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
05	LAW1001	Pháp luật đại cương	2
06	TOU1001	Giao tiếp trong kinh doanh	3
07	ENG1001	Tiếng Anh đại cương 1 (A2.1)	3
08	ENG2001	Tiếng Anh đại cương 2 (A2.2)	4
09	MIS1001	Tin học văn phòng	3

10	MAT1001	Toán ứng dụng trong kinh tế	3
11	MGT1001	Kinh tế vi mô	3
12	ECO1001	Kinh tế vĩ mô	3
13	MGT1002	Quản trị học	3
		Tổng	37
14		Giáo dục thể chất	5
15		Giáo dục Quốc phòng	4 tuần

7.2. Học phần chung khối ngành

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
16	ACC1001	Nguyên lý kế toán	3
17	MKT2001	Marketing căn bản	3
18	MIS2002	Hệ thống thông tin quản lý	3
19	HRM2001	Hành vi tổ chức	3
20	STA2002	Thống kê kinh doanh và kinh tế	3
21	FIN2001	Thị trường và các định chế tài chính	3
22	MGT2002	Nhập môn kinh doanh	3
23	IBS2001	Kinh doanh quốc tế	3
24	LAW2001	Luật kinh doanh	3
25	ENG3001	Tiếng Anh kinh doanh	3
		Tổng	30

7.3. Học phần chung của ngành

7.3.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
26	MIS3001	Cơ sở lập trình	3
27	MIS2001	Cơ sở dữ liệu	3
28	MIS3002	Mạng và truyền thông	3
29	MIS3003	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3
30	MIS3004	Quản trị dự án công nghệ thông tin	3
		Tổng	15

7.3.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
31	MKT3003	Hành vi người tiêu dùng	3
32	HRM3002	Phát triển kỹ năng quản trị	3
33	STA2003	Thống kê toán	3
34	MIS3017	Công cụ marketing truyền thông	3
35	STA3004	Phân tích dữ liệu bằng phần mềm thống kê	2
36	COM3003	Quản trị quan hệ khách hàng	3

7.4. Học phần chuyên ngành

7.4.1. Học phần bắt buộc

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
37	MIS3005	Toán rời rạc	3
38	MIS3006	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
39	MIS3007	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
40	MIS3008	Quản trị cơ sở dữ liệu	3
41	MIS3009	Kho và khai phá dữ liệu	3
42	MIS3010	Lập trình web	3
		Tổng	18

7.4.2. Học phần tự chọn

Chọn ít nhất 5 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
43	MIS3011	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3
44	MIS3012	Quản trị mạng	3
45	MIS3021	Kiểm thử phần mềm	3
46	MIS3022	Lập trình ứng dụng doanh nghiệp	3
47	MIS3023	Lập trình ứng dụng trên thiết bị di động	3
48	RMD3001	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

7.5. Hoạt động ngoại khóa

TT	Hoạt động ngoại khóa	Ghi chú
49	<p>Mục tiêu: Nhằm tạo điều kiện để sinh viên có cơ hội tiếp xúc, làm quen với môi trường làm việc thực tế, sinh viên được tham gia một phần công việc tại các tổ chức và doanh nghiệp; nắm bắt được các xu hướng công nghệ trong quản lý và kinh doanh,... từ đó giúp sinh viên có những định hướng rõ ràng và có cái nhìn đầy đủ hơn về công việc của mình sau khi ra trường.</p> <p>Các hoạt động dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tham quan thực tế và cho sinh viên nghe giới thiệu về quy trình quản lý, tổ chức và giải quyết công việc tại các tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, xây dựng, triển khai, kiểm thử phần mềm và các giải pháp công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; - Mời các chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan về trường để báo cáo về thực trạng và các xu hướng công nghệ trong quản lý và kinh doanh ở Việt Nam và trên thế giới; - Tổ chức các chuyên đề, tọa đàm, hội thảo về các chủ đề liên quan đến xu hướng công nghệ trong kinh doanh và quản lý có sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nhà trường; - Tổ chức các buổi tọa đàm định hướng nghề nghiệp có sự tham gia của các nhà tuyển dụng; - Tổ chức các khóa học ngắn hạn nhằm trang bị về kỹ năng mềm cho sinh viên, như: kỹ năng viết CV, kỹ năng trả lời phỏng vấn, kỹ năng giao tiếp, ... <p>Kết thúc các buổi ngoại khóa, sinh viên được làm bài thu hoạch nhằm đánh giá hiệu quả của mỗi hoạt động.</p>	

7.6. Thực tập cuối khóa

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
		Hình thức 1	
50	MIS4001	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	4
51		Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6

		Hình thức 2	
52	MIS4002	Khóa luận tốt nghiệp (*)	10

* Sinh viên phải học học phần “Phương pháp nghiên cứu khoa học”, có điểm trung bình chung tích lũy lớn hơn mức quy định của Trường và được Khoa chuyên ngành đồng ý cho làm khóa luận tốt nghiệp.

- 8. Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
- 9. Lộ trình học** (đính kèm theo chương trình đào tạo này)
- 10. Các chương trình đào tạo (đã được kiểm định) được tham khảo** (đính kèm nội dung chi tiết chương trình đào tạo đã tham khảo theo chương trình đào tạo này)

TT	Tên chương trình – Trường (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh)	Địa chỉ website tham chiếu (nếu có)
1	Business Information Systems - Swinburn university	http://www.swinburne.edu.au/study/course/international/bachelor-of-business-information-systems/
2	Business Information Systems - University of Westminster	https://www.westminster.ac.uk/__data/assets/pdf_file/0005/175532/ECS-BSc-Hons-Business-Information-Systems-201213v1.pdf
3	Information Systems and Management - University of London	http://www.bbk.ac.uk/study/2015/undergraduate/programmes/UBSIYMNG_C/
4	Information Systems Management - New york university	http://www.scps.nyu.edu/academics/departments/mcgee/undergraduate/bs-information-systems-management/core-major-curriculum.html#Critical_Thinking
5	Management Information Systems - Washington State University	https://online.wsu.edu/undergrad/informationSystems.aspx
6	Management Information Systems - Terry College of Business, University of Georgia	http://www.terry.uga.edu/courses/MIST/?term=now
7	Information Systems - Carnegie Mellon University	http://coursecatalog.web.cmu.edu/dietrichcollegeofhumanitiesandsocialsciences/informationssystemsf/

8	Management Information Systems - Arizona University	http://ugrad.eller.arizona.edu/academics/majors/mis/4yearplan.asp
9	Information Systems Management - Colorado technical university	http://www.coloradotech.edu/degrees/bachelors/information-systems-management

HỘI ĐỒNG
XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký tên và đóng dấu)
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Toàn